

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/DS-PT
Ngày: 13 – 02 – 2025
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Lê Phan Công Trí
Bà Lê Thị Thúy Linh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Văn Kép – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 205/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 143/2024/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 178/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Ngô Thị D, sinh năm 1957 (có mặt)

Ông Mai Văn K, sinh năm 1956 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959;
Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt)

- **Người kháng cáo:** Bà Ngô Thị D và ông Mai Văn K là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2024, và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Ngô Thị D và ông Mai Văn K trình bày:

Trước đây, ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N có nợ tiền của vợ chồng bà đã được Tòa án giải quyết và thi hành án. Tuy nhiên, đến giai đoạn thi hành án, ông M có phần đất để thi hành án nhưng đang thế chấp vay vốn Ngân hàng, vì vậy ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N với vợ chồng bà mới thỏa thuận, vợ chồng bà đưa thêm cho ông M và bà N số tiền 150.000.000 đồng và trả tiền Ngân hàng N1 và Ngân hàng Đ để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại thì ông M và bà N sẽ sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 04 thửa của ông M và bà N cho vợ chồng bà để trả số tiền nợ. Vì vậy, vào ngày 17/10/2014, vợ chồng bà đưa thêm cho ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N số tiền 150.000.000 đồng, có làm giấy thỏa thuận đề ngày 17/10/2014, trong đó thể hiện nội dung ông M, bà N nhận của vợ chồng bà số tiền 150.000.000 đồng, ngoài ra vợ chồng bà có trách nhiệm trả hết phần nợ và lãi cho Ngân hàng thì ông M và bà N sẽ giao hết 04 thửa đất cho vợ chồng bà và ký giấy chuyển quyền và hẹn ngày giao đất cho vợ chồng bà. Giấy thỏa thuận có vợ chồng bà và vợ chồng ông M, bà N ký tên. Ngoài ra, không còn ai ký tên. Ngày 30/10/2014, vợ chồng bà đã đến Ngân hàng N1 – Phòng G trả số tiền vốn gốc 180.000.000 thay cho ông Nguyễn Văn M theo chứng từ giao dịch SBT 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38. Ngoài ra, ngày 24/11/2014, vợ chồng bà đã đến Ngân hàng Đ trả số tiền 196.000.000 đồng thay cho ông Nguyễn Văn M. Như vậy, tổng số tiền ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N nợ vợ chồng bà là 526.000.000 đồng. Nay vợ chồng bà yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N thanh toán số tiền 526.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 24/11/2014 đến khi thanh toán dứt nợ, với lãi suất 1.66%/tháng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Trước đây, vợ chồng ông có nợ vợ chồng ông K, bà D hơn 400.000.000 đồng, sự việc đã được Tòa án giải quyết và sang giai đoạn thi hành án. Vợ chồng ông có tổng cộng 04 thửa đất nhưng thế chấp vay vốn tại Ngân hàng nên vợ chồng ông và vợ chồng ông K, bà D thỏa thuận vợ chồng bà D đưa thêm cho vợ chồng ông 150.000.000 đồng và trả nợ hết thay cho vợ chồng ông tại Ngân hàng N1 và Ngân hàng Đ thì vợ chồng ông đồng ý chuyển tên 04 thửa đất cho vợ chồng bà D. Ngày 17/10/2024, vợ chồng bà D giao cho vợ chồng ông 150.000.000 đồng tiền mặt, ông có lập giấy thỏa thuận thể hiện số tiền vợ chồng ông nhận của vợ chồng bà D là 150.000.000 đồng và đồng ý nếu vợ chồng bà D trả tiền Ngân hàng hết thay cho vợ chồng ông thì vợ chồng ông sẽ chuyển quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà D. Đến năm 2021, thì vợ chồng ông mới biết vợ chồng bà D trả tiền Ngân hàng cho vợ chồng ông nhưng lúc đó vợ chồng ông không biết vợ chồng bà D đã trả Ngân hàng thay cho vợ chồng ông bao nhiêu tiền. Nay vợ chồng ông đồng ý còn nợ lại bà Ngô Thị D và ông Mai Văn K số tiền 526.000.000 đồng, vợ chồng ông đồng ý thanh toán số tiền 526.000.000 đồng cho vợ chồng bà D nhưng không đồng ý trả lãi.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 143/2024/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị D và ông Mai Văn K về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N trả lại số tiền 526.000.000 đồng. Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N cùng có trách nhiệm thanh toán cho bà Ngô Thị D và ông Mai Văn K số tiền 526.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị D và ông Mai Văn K về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N trả tiền lãi của số tiền 526.000.000 đồng từ ngày 24/11/2014 đến đến khi thanh toán dứt nợ với mức lãi suất 1.66%/tháng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/11/2024, bà Ngô Thị D và ông Mai Văn K có đơn kháng cáo bản án. Theo đó, bà D và ông K kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 143/2024/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu; nội dung kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án đối với phần tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Ngô Thị D và ông Mai Văn K rút một phần lãi suất và yêu cầu mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị D và ông Mai Văn K, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 143/2024/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Ngô Thị D và ông Mai Văn K trong thời hạn luật định, nên được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt ông M theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Các đương sự thống nhất thừa nhận vào ngày 17/10/2014, ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N với bà Ngô Thị D và ông Mai Văn K có thỏa thuận bà D đưa cho ông Nguyễn Văn M 150.000.000 đồng và trả cho hết nợ cho hai ngân hàng và phần tiền lãi phát sinh của ông M thì ông M giao bốn thửa đất nuôi tôm đã kê biên cho bà D và ông K. Ông M thừa nhận đã nhận số tiền 150.000.000 đồng do bà D giao và sau đó bà D đã trả tiền thay ông cho ông M tại Ngân hàng N1 số tiền 180.000.000 đồng và Ngân hàng TMCP Đ số tiền 196.000.000 đồng. Tổng cộng ông M và bà N có nợ bà D và ông K tổng số tiền là 526.000.000 đồng. Ông M và bà N đồng ý trả lại cho bà D và ông K số tiền 526.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của bà Ngô Thị D và ông Mai Văn K yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N thanh toán tiền lãi tính từ ngày 24/11/2014 đến khi thanh toán dứt nợ, với mức lãi suất theo quy định của pháp luật trên số nợ gốc 526.000.000 đồng. Xét thấy:

Vào ngày 17/10/2014, ông M và bà N với bà D và ông K có làm giấy thỏa thuận với nội dung bà D đưa cho ông M 150.000.000 đồng và trả cho hết nợ cho hai ngân hàng thì ông M giao bốn thửa đất nuôi tôm đã kê biên cho bà D và ông K. Ông M đã nhận số tiền 150.000.000 đồng từ bà D vào ngày 17/10/2014, sau đó bà D đã trả tiền thay ông cho M tại hai ngân hàng với số tiền 180.000.000 đồng vào ngày 30/10/2014 và 196.000.000 đồng ngày 24/11/2014. Từ thời điểm đó đến nay các bên không tiếp tục thực hiện theo thỏa thuận ngày 17/10/2014, bà D cho rằng ông M bỏ địa phương đi nên bà không tiếp tục trả hết tiền lãi ông M còn nợ ngân hàng, trong khi ông M cho rằng không thực hiện thỏa thuận là do bà D không trả hết nợ ngân hàng như đã thỏa thuận, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm ông M thừa nhận có việc ông bỏ địa phương đi làm ăn xa từ năm 2014 và đến tháng 4 năm 2024 mới về lại địa phương nên việc các bên không thể tiếp tục thực hiện thỏa thuận một phần do lỗi phía bên ông M, trong khi ông đã nhận tiền trực tiếp từ bà D số tiền 150.000.000đ và bà D đã thanh toán nợ gốc và lãi tại các ngân hàng thay cho ông M, do đó lãi suất tiền vay của ông M tại các ngân hàng cũng không còn bị phát sinh từ dư nợ gốc do bà D đã thanh toán xong. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng khi ông M và bà N không thực hiện nghĩa vụ theo giấy thỏa thuận ngày 17/10/2014 và cũng không trả lại tiền cho bà D và ông K, thì bà D và ông K không đến gặp ông M và bà

N để yêu cầu thanh toán tiền và thỏa thuận chuyển thành nợ để tính lãi suất vay nên không chấp nhận yêu cầu đòi tiền lãi của bà D và ông K là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D và ông K. Trường hợp bà D không thanh toán nợ tại ngân hàng thay cho ông M từ năm 2014 đến nay thì ông M phải chịu khoản tiền lãi trong hạn, quá hạn với thời gian dài phát sinh theo hợp đồng tín dụng, cho nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tiền lãi của bà D và ông K là chưa phù hợp. Do đó cần sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu đòi tiền lãi của bà D và ông K đối với ông M và bà N.

Xét mức lãi suất bà D và ông K yêu cầu ông M và bà N thanh toán tiền lãi của số tiền 526.000.000 đồng từ ngày 24/11/2014 đến khi thanh toán dứt nợ với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy:

Giao dịch giữa các bên diễn ra trong năm 2014, thời điểm này Bộ luật Dân sự 2005 đang có hiệu lực pháp luật nên cần áp dụng mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự 2005. Tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: *“Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng N2 công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”* và tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 của Ngân hàng N2 thì mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam được quy định là 9%/năm.

Ông M và bà N phải có trách nhiệm trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà D và ông K như đã phân tích. Giữa các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi cho khoản tiền 526.000.000 đồng cho nên mức lãi suất được xác định theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N2 công bố là 9%/năm, tương đương 0,75%/tháng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà D và ông K cũng đồng ý áp dụng mức lãi suất theo Bộ luật Dân sự năm 2005 với mức lãi suất 0,75%/tháng, đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Bà D và ông K yêu cầu tính lãi từ ngày 24/11/2014 là ngày cuối cùng bà D và ông K trả nợ tại ngân hàng thay cho ông M và bà N cho đến khi trả dứt nợ, xét thấy yêu cầu này là phù hợp nên được chấp nhận xem xét tính lãi từ ngày 24/11/2014 đến ngày xét xử phúc thẩm 13/02/2025 là 10 năm 02 tháng 11 ngày.

Cụ thể tiền lãi mà ông M và bà N có trách nhiệm trả cho bà D và ông K là: $526.000.000đ \times 10 \text{ năm } 02 \text{ tháng } 11 \text{ ngày} \times 9\%/năm = 483.788.500đ$.

[4] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị D và ông Mai Văn K; không có căn cứ chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 143/2024/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D và ông K nên bà D và ông K không phải chịu; ông M và bà N được miễn nộp do là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà D và ông K nên bà D và ông K không phải chịu.

[6] Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 256, khoản 2 Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị D và ông Mai Văn K. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 143/2024/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị D và ông Mai Văn K về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N trả lại số tiền gốc 526.000.000 đồng và tiền lãi 483.788.500đ. Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N cùng có trách nhiệm thanh toán cho bà Ngô Thị D và ông Mai Văn K tổng số tiền 1.009.788.500 đồng (*Một tỷ, không trăm lẻ chín triệu, bảy trăm tám mươi tám ngàn, năm trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị D, ông Mai Văn K không phải chịu; ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N được miễn nộp.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ngô Thị D và ông Mai Văn K không phải chịu.

3. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Phước Long;
- CCTHADS huyện Phước Long;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lệ Kiều